

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng;
2. Bà Trần Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Gấm là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987, trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đăng M, sinh năm 1981, trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng M xây dựng hạnh phúc với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã T, huyện A. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh M là người chồng không có lập trường,

chị đi làm anh M theo dõi, anh M ghen tuông vô cớ, kiểm soát gây sự chửi xúc phạm chị. Bản thân chị đi làm lo toan cuộc sống gia đình nhưng về kinh tế anh M là người quản lý. Cuộc sống vợ chồng luôn áp lực và căng thẳng, vợ chồng sống không có sự tin tưởng nhau nên bản thân chị mệt mỏi. Vợ chồng mâu thuẫn, chị nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn nhưng được hai bên gia đình khuyên can hòa giải. Vì thương con chị quay về chung sống với anh M nhưng chỉ được thời gian do không chịu được tính cách của anh M nên đến tháng 5 năm 2017 chị không chung sống với anh M, chị thuê nhà trọ ở để thuận tiện cho công việc. Anh M đến nhà trọ chị điều tra vì nghi ngờ chị có tình cảm với người đàn ông khác và gây sự chửi xúc phạm chị nhưng thực tế không có sự việc gì. Chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh M vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đăng M.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đăng M có 02 con chung là Nguyễn Thị X, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2006 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh M không đồng ý thì chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị X, chị Nhường anh M nuôi con Nguyễn Thị N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận với anh Nguyễn Đăng M, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh Nguyễn Đăng M không vay nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Đăng M trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, lời qua tiếng lại có những câu nói thiếu tôn trọng nhau. Thời gian này chị T làm việc gần nhà nhưng đến năm 2016 chị T hết hợp đồng lao động nên chuyển sang huyện Tiên Lãng làm. Anh thương vợ không muốn chị T đi làm xa nhà vất vả, anh có tham gia nhưng chị T không nghe. Tiếp đến ngày 30/4/2017 vợ chồng mâu thuẫn do chị T không đồng ý việc bố anh gửi vàng vợ chồng và muốn lấy về làm kinh tế, chị T tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn ở một thời gian, anh đã tìm chị T về đoàn tụ nhưng chỉ được 1 tháng thì chị T bỏ đi và thuê nhà trọ ở và không chung sống với anh nữa. Anh biết chị T có tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh vẫn tha thứ vì anh vẫn còn tình cảm với chị T. Nay chị T xin ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung họ, tên, tuổi như chị T trình bày. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu Chị T kiên quyết ly hôn anh thì anh đề nghị nuôi con Nguyễn Thị X, sinh ngày 14 tháng

5 năm 2006 anh nhường chị T nuôi con Nguyễn Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ: Anh tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến cũng như diễn biến tại phiên tòa đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh M thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng M; về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Phạm Thị T nuôi con Nguyễn Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012; giao cho anh Nguyễn Đăng M nuôi con Nguyễn Thị X, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2006 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh M không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đăng M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không có sự chia sẻ và yêu thương nhau. Anh M không tin tưởng chị T về tình cảm, anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh không có chứng cứ gì chứng M, từ đó vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi xúc phạm nhau, sống không tôn trọng nhau, chị T nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ để cùng thôn ở do thương con còn nhỏ anh chị về đoàn tụ với nhau nhưng chỉ được thời gian lại tiếp tục mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân nhau chị T thuê

nhà trọ ở, anh M sang nơi chị T ở trọ vì nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và gây mất trật tự nhưng thực tế không có sự việc gì xảy ra. Từ đó vợ chồng càng mất sự tin tưởng đối với nhau, mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng.

Căn cứ vào các tài liệu xác M cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh M, anh M xin đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh M không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm mà có hành xử dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Tại địa phương chị T sống chu đáo với gia đình, trong các mối quan hệ không có điều tiếng gì. Việc chị T xin ly hôn anh M là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị X, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2006 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh M không đồng ý thì chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị X và nhường anh M nuôi con Nguyễn Thị N. Đối với anh M vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị X, anh nhường chị T nuôi con Nguyễn Thị N. Xét điều kiện của chị T và anh M đều có việc làm, có thu nhập ổn định và có nơi ở đảm bảo việc nuôi con; tuy cháu Nguyễn Thị X có đơn ở với chị T nhưng cháu X hiện nay đã 12 tuổi có ý thức và tự chăm sóc được bản thân. Cháu Nguyễn Thị N mới 5 tuổi cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và điều kiện tốt nhất cho các con của chị T và anh M, Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Thị N cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị X cho anh Nguyễn Đăng M nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T và anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng M.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị X, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2006 cho anh Nguyễn Đăng M nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002721 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đăng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn